

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/3/2024

Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 472/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST – HNGĐ ngày 16/02/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 21/13 khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 21/13 khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Ông Lê Văn H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Nguyễn Ngọc L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2023, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc L sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo giấy đăng ký kết hôn số 29/KH, ngày 11/6/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Cuộc sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, bà L không chăm lo cho gia đình. Mặc dù bà L có công việc làm ổn định là công nhân của Công ty Bonchen nhưng không lo đủ cho bản thân, hàng tháng còn mượn nợ rất nhiều ở bên ngoài. Ông H đã trả nợ cho bà L rất nhiều năm nay, đã khuyên nhủ bà L nhiều lần nhưng bà L không thay đổi được. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống gia đình trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc L.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 15/9/2003 và con Lê Văn N2, sinh ngày 18/3/2013. Sau khi ly hôn Ông H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Văn N2, không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 15/9/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Ngọc L:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và yêu cầu bà Nguyễn Ngọc L có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của ông Lê Văn H nhưng bà Nguyễn Ngọc L không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Ngọc L đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/01/2024 nhưng bà L vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Lê Văn H thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là bà Nguyễn Ngọc L có địa chỉ tại Số 21/13 khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An

thụ lý giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc L là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo giấy đăng ký kết hôn số 29/KH, ngày 11/6/2010 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Ông Lê Văn H xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, bà Nguyễn Ngọc L không chăm lo cho gia đình, vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế. Vì vậy, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Tình cảm lạnh nhạt, không chia sẻ, đồng cảm với nhau các vấn đề trong cuộc sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông Lê Văn H yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc L. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập bà Nguyễn Ngọc L đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà Nguyễn Ngọc L không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc L đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

Việc bà Nguyễn Ngọc L bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với ông Lê Văn H cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông Lê Văn H.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 15/9/2003 và con Lê Văn N2, sinh ngày 18/3/2013. Ông Lê Văn H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Văn N2, đối với con chung Lê Thị Tuyết N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Ngọc L vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Trong thời gian trước đây và hiện nay con chung vẫn do ông Lê Văn H nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở để chấp nhận nguyện vọng của ông Lê Văn H là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Văn N2.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn H không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc L (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29/KH, ngày 11/6/2010 của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp).

Về con chung: Buộc bà Nguyễn Ngọc L giao người con chung tên con Lê Văn N2, sinh ngày 18/3/2013 cho ông Lê Văn H tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với con chung Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 15/9/2003 đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn H không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc L có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp bà Nguyễn Ngọc L lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc ông Lê Văn H nuôi con thì Ông H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà L theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001380 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Lê Văn H đã nộp đủ.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Bình Thắng, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
 - Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng